TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2024
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Nguyễn Văn Kiện

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Kiều Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Chị M có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Võ Chí C,** sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:***

Vào năm 2023 chị và anh Võ Chí C thành lập gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trong thời gian sống chung chị và anh C không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M làm đơn khởi kiện và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị M xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M cam kết trong quá trình chung sống chị và anh C không có nợ ai và không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Đối với bị đơn anh Võ Chí C*:** Đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đề nghị Tòa án khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh C nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp xin ly hôn*", bị đơn anh C có nơi cư trú tại ấp H, xã M,

huyện C, tỉnh Kiên Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, tại phiên tòa chị M đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2023 chị M và anh C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, do đó quan hệ hôn nhân chị M và anh C là hợp pháp.

Theo chị M trình bày trong thời gian chung sống chị và anh C sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm với nhau, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Tại phiên tòa, chị M xác định hiện nay không còn tình cảm với anh C và kiên quyết xin ly hôn, từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh C không có khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về con chung: Không có, không yêu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M trình bày trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc này cũng đã được thông báo cho anh C trong Thông báo thụ lý vụ án, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến gì phản bác hay có yêu cầu gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Võ Chí C.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị M phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001304 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Huỳnh Ánh Tuyết